

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH NƯỚC - QUỐC HỘI

Luật số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024
Luật Di sản văn hóa

(Tiếp theo Công báo số 1519 + 1520)

Chương V BẢO TÀNG

Điều 64. Hệ thống bảo tàng Việt Nam

1. Hệ thống bảo tàng Việt Nam bao gồm:

a) Bảo tàng công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động, đại diện chủ sở hữu và được tổ chức theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập hoặc phù hợp với mô hình của cơ quan, tổ chức chủ quản;

b) Bảo tàng ngoài công lập do tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và được tổ chức theo mô hình doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp ngoài công lập hoặc mô hình khác.

2. Bảo tàng có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Thành lập bảo tàng công lập

1. Bảo tàng công lập được thành lập khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có hiện vật, sưu tập hiện vật theo một hoặc nhiều chủ đề;

b) Có trưng bày, kho và thiết bị kỹ thuật, công nghệ hoặc có dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày nội thất, trưng bày ngoài trời phù hợp cho việc bảo vệ và phát huy giá trị hiện vật, sưu tập hiện vật quy định tại điểm a khoản này và các hoạt động thường xuyên khác của bảo tàng được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

c) Có nhân lực chuyên môn phù hợp với đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập bảo tàng công lập được quy định như sau:

a) Đối với bảo tàng là đơn vị sự nghiệp công lập, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập thực hiện theo quy định pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với bảo tàng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập thực hiện theo quy định của pháp luật điều chỉnh việc thành lập cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng;

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản xác nhận đủ điều kiện thành lập bảo tàng công lập quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 66. Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể bảo tàng công lập

1. Việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể bảo tàng công lập phải có phương án quản lý bảo đảm an ninh, an toàn đối với hiện vật và hồ sơ kiểm kê hiện vật của bảo tàng.

2. Cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền thành lập bảo tàng quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể bảo tàng công lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập hoặc pháp luật điều chỉnh cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng.

Điều 67. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

1. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập được quy định như sau:

a) Có hiện vật, sưu tập hiện vật theo một hoặc nhiều chủ đề; hiện vật là di vật, cổ vật phải được đăng ký theo quy định tại Điều 43 của Luật này;

b) Có trưng bày phục vụ khách tham quan;

c) Có đề án tổ chức và hoạt động.

2. Việc cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập được quy định như sau:

a) Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập được cấp cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất;

c) Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau: tự nguyện giải thể; vi phạm quy định tại một trong các khoản 3, 4, 7, 10, 11 và 12 Điều 9 của Luật này; không còn đủ điều kiện hoạt động

quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này; bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn theo quy định của pháp luật; trường hợp khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh quyết định cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 68. Nhiệm vụ của bảo tàng

1. Bảo tàng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

b) Suu tầm, kiểm kê, tư liệu hóa, bảo quản, phục chế và quản lý hiện vật thuộc đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng;

c) Trưng bày hiện vật tại bảo tàng, trên môi trường điện tử; trưng bày ở trong nước và nước ngoài;

d) Diễn giải, truyền thông và giáo dục di sản văn hóa thuộc đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng;

đ) Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của bảo tàng;

e) Quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật của bảo tàng;

g) Thực hiện hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức các hoạt động văn hóa phù hợp với tính chất, nội dung, đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng;

i) Tổ chức hoạt động dịch vụ theo quy định tại Điều 77 và Điều 81 của Luật này; thu và sử dụng phí, giá tham quan theo quy định của pháp luật;

k) Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này.

Điều 69. Xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng và thẩm quyền xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng

1. Việc xếp hạng bảo tàng căn cứ vào các tiêu chuẩn sau đây:

a) Số lượng và giá trị của hiện vật, sưu tập hiện vật;

b) Chất lượng kiểm kê, bảo quản, trưng bày, giáo dục và truyền thông;

c) Cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật;

d) Mức độ chuẩn hóa nhân lực chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Hiệu quả hoạt động.

2. Bảo tàng được xếp hạng như sau:

a) Bảo tàng hạng I;

b) Bảo tàng hạng II;

c) Bảo tàng hạng III.

3. Việc xếp lại hạng bảo tàng được quy định như sau:

a) Thời hạn xem xét việc xếp lại hạng bảo tàng là 05 năm, kể từ ngày có quyết định xếp hạng lần trước;

b) Trường hợp bảo tàng bảo đảm tiêu chuẩn hạng cao hơn, được xem xét xếp lại hạng trước thời hạn.

4. Thẩm quyền xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương chỉ đạo lập, thẩm định hồ sơ xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng, gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; quyết định xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét hồ sơ xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng, tổ chức kiểm tra thực tế, quyết định xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng I, có ý kiến bằng văn bản đối với việc xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III.

5. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng.

Điều 70. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập

1. Việc đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan và phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Có đề cương trưng bày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học về bảo tàng do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập.

Việc phê duyệt đề cương trưng bày phải được thực hiện trước khi phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. Đối với dự án thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư thì việc phê duyệt đề cương trưng bày phải được thực hiện trước khi quyết định chủ trương đầu tư;

b) Đáp ứng điều kiện an ninh, an toàn cho hiện vật, quản lý, sử dụng bảo tàng, thực hiện nhiệm vụ của bảo tàng quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật này;

c) Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập phải được cơ quan chủ trì thẩm định gửi kèm văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để có ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 71. Hoạt động sưu tầm hiện vật của bảo tàng

1. Bảo tàng được sưu tầm hiện vật ở trong nước và nước ngoài phù hợp với nội dung, đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng.

2. Bảo tàng tổ chức việc sưu tầm hiện vật thông qua các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này và thông qua mua bán di vật, cổ vật theo quy định tại Điều 80 của Luật này.

3. Việc sưu tầm hiện vật phải thực hiện theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 72. Hoạt động kiểm kê, tư liệu hóa hiện vật của bảo tàng

1. Hoạt động kiểm kê, tư liệu hóa hiện vật của bảo tàng bao gồm:

a) Tiếp nhận, phân loại, đăng ký, sắp xếp, theo dõi tình hình xuất, nhập và tình trạng bảo quản hiện vật;

b) Lập và quản lý hồ sơ liên quan đến hiện vật;

c) Bổ sung thông tin về hiện vật;

d) Nghiên cứu xây dựng sưu tập hiện vật;

đ) Xây dựng hệ thống phiếu tra cứu hiện vật;

e) Tin học hóa hệ thống quản lý hiện vật.

2. Hồ sơ kiểm kê, tư liệu hóa hiện vật được lập, quản lý, lưu trữ bằng văn bản và bằng công nghệ thông tin.

Điều 73. Hoạt động bảo quản hiện vật của bảo tàng

1. Hoạt động bảo quản hiện vật của bảo tàng bao gồm:

- a) Sắp xếp hiện vật và tổ chức kho để bảo quản;
- b) Lập hồ sơ về hiện trạng hiện vật và môi trường bảo quản;
- c) Tổ chức việc bảo quản định kỳ, bảo quản phòng ngừa và bảo quản trị liệu hiện vật.

2. Hoạt động bảo quản hiện vật của bảo tàng phải được thực hiện với tất cả hiện vật trong kho, đang trưng bày và khi đưa ra ngoài bảo tàng.

3. Hoạt động bảo quản hiện vật của bảo tàng phải tuân thủ quy trình, nguyên tắc, kỹ thuật bảo quản và phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng có liên quan đến hiện vật.

Điều 74. Hoạt động trưng bày hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng

1. Hoạt động trưng bày hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng bao gồm:

- a) Trưng bày thường xuyên, trưng bày chuyên đề tại bảo tàng;
- b) Trưng bày có thời hạn ở trong nước và nước ngoài;
- c) Trưng bày trên môi trường điện tử;
- d) Giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể.

2. Trưng bày hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng phải bảo đảm các quy định sau đây:

- a) Phù hợp với nội dung, đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng;
- b) Chú trọng trưng bày hiện vật gốc; thông tin về hiện vật và nội dung trưng bày phải đầy đủ, rõ ràng, chính xác;
- c) Bản phục chế, bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và di sản tư liệu phải được chú thích rõ ràng;
- d) Việc giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể phải phù hợp với nội dung trưng bày của bảo tàng;
- đ) Thuận lợi cho việc tham quan và bảo đảm an ninh, an toàn cho hiện vật, khách tham quan;
- e) Tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 75. Hoạt động giáo dục của bảo tàng

1. Hoạt động giáo dục của bảo tàng bao gồm:

- a) Hướng dẫn tham quan; tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- b) Tổ chức chương trình giáo dục;
- c) Tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, nói chuyện chuyên đề.

2. Hoạt động giáo dục phải phù hợp với nội dung, đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng; nhu cầu học tập, hưởng thụ văn hóa của công chúng.

Điều 76. Hoạt động truyền thông của bảo tàng

1. Hoạt động truyền thông của bảo tàng bao gồm:

- a) Giới thiệu nội dung và hoạt động của bảo tàng trên phương tiện thông tin đại chúng và trên môi trường điện tử;
- b) Tổ chức chương trình quảng bá, phát triển công chúng;
- c) Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của công chúng về hoạt động của bảo tàng;
- d) Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển hoạt động của bảo tàng ở trong nước và nước ngoài;
- đ) Tổ chức phát triển sản phẩm lưu niệm, xuất bản ấn phẩm của bảo tàng.

2. Hoạt động truyền thông của bảo tàng phải phù hợp với nội dung, đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 77. Hoạt động dịch vụ của bảo tàng

1. Hoạt động dịch vụ của bảo tàng bao gồm:

- a) Cung cấp thông tin, tư liệu về di sản văn hóa;
- b) Tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, thể thao, du lịch;
- c) Tư vấn kỹ thuật, nghiệp vụ bảo tàng;
- d) Giám định di vật, cổ vật;
- đ) Tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể; nghiên cứu tư vấn lập hồ sơ khoa học di tích;
- e) Cung cấp dịch vụ sản phẩm lưu niệm, văn hóa phẩm của bảo tàng;
- g) Bảo quản, phục chế, làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và di sản tư liệu; cung cấp dịch vụ sử dụng, khai thác di sản văn hóa theo quy định tại Điều 88 của Luật này;
- h) Hợp tác khai quật khảo cổ;

- i) Hợp tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo tàng;
 - k) Dịch vụ gửi, lưu giữ hiện vật, tư liệu về di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu;
 - l) Tổ chức cửa hàng lưu niệm, dịch vụ ăn, uống, nghỉ ngơi, giải trí và dịch vụ khác.
2. Hoạt động dịch vụ của bảo tàng quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
 3. Bảo tàng công lập được sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công để thực hiện các hoạt động dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này, theo quy định của Luật này, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.
 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết điểm k khoản 1 Điều này.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ VỀ DI SẢN VĂN HÓA

Điều 78. Kinh doanh bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh trong lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Tổ chức kinh doanh trong lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích còn phải đáp ứng quy định đối với từng ngành, nghề như sau:

a) Đối với ngành, nghề lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có đủ điều kiện hành nghề lập thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

b) Đối với ngành, nghề lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định

của pháp luật về xây dựng và có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

c) Đối với ngành, nghề thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

d) Đối với ngành, nghề thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

đ) Đối với ngành, nghề tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Chứng chỉ hành nghề lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Chứng chỉ hành nghề thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 79. Kinh doanh giám định di vật, cổ vật

1. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh giám định di vật, cổ vật theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tổ chức kinh doanh giám định di vật, cổ vật còn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có trụ sở bảo đảm điều kiện để lưu giữ, bảo quản di vật, cổ vật được giám định;
- b) Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định;
- c) Có ít nhất 03 chuyên gia giám định di vật, cổ vật đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Luật này;
- d) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật.

Điều 80. Kinh doanh di vật, cổ vật

1. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh di vật, cổ vật; bảo quản, phục chế di vật, cổ vật; số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu di vật, cổ vật thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật đối với cơ sở kinh doanh;

b) Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật đối với chủ cơ sở hoặc người đại diện theo pháp luật;

c) Có trụ sở bảo đảm điều kiện để lưu giữ, bảo quản hoặc trưng bày di vật, cổ vật và các phương tiện, kỹ thuật phù hợp với ngành, nghề đăng ký.

2. Chính phủ quy định về điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh di vật, cổ vật và chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật.

Điều 81. Kinh doanh dịch vụ bảo tàng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được kinh doanh hoạt động dịch vụ bảo tàng theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập bảo tàng công lập theo quy định tại Điều 65 của Luật này;

b) Được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng theo quy định tại Điều 67 của Luật này.

2. Hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo tàng phải phù hợp với nhiệm vụ của bảo tàng quy định tại Điều 68 của Luật này.

Chương VII

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

Điều 82. Nguồn tài chính để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Ngân sách nhà nước bố trí từ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nguồn thu từ các hoạt động khai thác, sử dụng di sản văn hóa và các hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3. Viện trợ, tài trợ, hỗ trợ, tặng cho, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; quỹ bảo tồn di sản văn hóa.

4. Nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 83. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Ngân sách nhà nước chi thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa, thực hành, truyền dạy, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, xếp hạng, công nhận, ghi danh di sản văn hóa; công nhận bảo vật quốc gia;

b) Thực hiện các biện pháp, chương trình, dự án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; khoanh vùng cấm mốc khu vực bảo vệ di tích; bảo quản, phục hồi, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, phục chế, tu sửa cấp thiết di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, trưng bày bảo tàng công lập, kho và hiện vật bảo tàng, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu;

c) Lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh, đánh giá quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và quy hoạch khảo cổ; lập, thẩm định, thực hiện dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; thẩm định, thực hiện dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình, trưng bày bảo tàng công lập; dự án phục chế di sản tư liệu;

d) Xây dựng và thực hiện Chương trình hành động quốc gia, báo cáo quốc gia, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

đ) Giám định di vật, cổ vật, di sản tư liệu; sưu tầm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; mua và đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước đối với các trường hợp được xác định tại khoản 4 Điều 51 và khoản 4 Điều 62 của Luật này; đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu đi trưng bày ở trong nước và nước ngoài; tiếp nhận, đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu thu được do tìm kiếm, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu trái phép từ nước ngoài về nước;

e) Thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích thuộc sở hữu toàn dân, bảo tàng công lập;

g) Thăm dò, khai quật khảo cổ và nghiên cứu xử lý kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ;

h) Hỗ trợ nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, người trực tiếp trông coi di tích lịch sử - văn hóa, cá nhân chủ sở hữu di sản tư liệu được UNESCO ghi danh theo quy định của pháp luật;

i) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

k) Tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về di sản văn hóa;

l) Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; bảo dưỡng, duy trì, nâng cấp, mở rộng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

m) Hoạt động của các Hội đồng thẩm định, khoa học, chuyên môn trong lĩnh vực di sản văn hóa và Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia theo quy định của Luật này;

n) Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, nội dung chi, mức chi cho các nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa tại Điều này.

Điều 84. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc theo quy định của pháp luật; được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật, đặc biệt ưu tiên đối với nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Nhân lực tham gia quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhưng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng chế độ từ nguồn thu khai thác, sử dụng di sản văn hóa và chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về chương trình, tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Điều 85. Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa nhằm lưu giữ, quản lý, bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa theo quy định của pháp luật về dữ liệu và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, duy trì và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa theo phân cấp; bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa và đáp ứng yêu cầu an ninh, an toàn và bảo mật theo quy định của pháp luật.

5. Việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; giá trị pháp lý đối với dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu được chuyển đổi thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử.

6. Nghiên cứu xây dựng dự án, đề án, chương trình, kế hoạch, đề tài khoa học về chuyển đổi số, số hóa di sản văn hóa, xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ mới trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

7. Chính phủ quy định chi tiết về chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa.

Điều 86. Tuyên truyền, quảng bá, giáo dục truyền thống thông qua di sản văn hóa và phát huy giá trị di sản văn hóa trên môi trường điện tử

1. Tuyên truyền, quảng bá, giáo dục truyền thống thông qua di sản văn hóa trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông qua trưng bày, giới thiệu, hội thảo khoa học, tọa đàm, thi sáng tác, triển lãm về di sản văn hóa; liên hoan, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể; hoạt động tìm hiểu, tham quan, học tập về di sản văn hóa gắn kết với chương trình, hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục; biên soạn, xuất bản tài liệu chuyên ngành về di sản văn hóa và các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc phát huy giá trị di sản văn hóa trên môi trường điện tử thực hiện theo các quy định của Luật này, pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm tuyệt đối an toàn cho di sản văn hóa trong quá trình xây dựng dữ liệu số về di sản văn hóa và nội dung trưng bày số;

b) Việc thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu và sử dụng các cơ sở dữ liệu số của tổ chức, cá nhân phải tuân theo quy định pháp luật về quyền tác giả và bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Dữ liệu số phải bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 87. Xã hội hóa trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Nguồn lực xã hội hóa được sử dụng cho các hoạt động sau:

- a) Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, tư liệu hóa, lập hồ sơ khoa học để công nhận, xếp hạng, ghi danh di sản văn hóa;
- b) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa;
- d) Tuyên truyền, quảng bá di sản văn hóa trong nước và nước ngoài;
- đ) Tổ chức phục hồi, thực hành, truyền dạy, giới thiệu, quảng bá, trình diễn, liên hoan về di sản văn hóa phi vật thể;
- e) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích;
- g) Thăm dò, khai quật khảo cổ;
- h) Nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, số hóa, lưu giữ, phục chế và phát huy giá trị di sản tư liệu;
- i) Nghiên cứu, sưu tầm, giám định, kiểm kê, bảo quản, phục chế, trưng bày, giáo dục, truyền thông của bảo tàng;
- k) Hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa quy định tại khoản 2 Điều này được hưởng các ưu đãi về thuế, ưu đãi vay vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 88. Sử dụng, khai thác di sản văn hóa

1. Tổ chức, cộng đồng và cá nhân được sử dụng, khai thác di sản văn hóa trong các trường hợp sau đây:

- a) Sáng tạo, sáng tác tác phẩm văn học, nghệ thuật; biểu diễn nghệ thuật;
- b) Tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, giáo dục di sản văn hóa;
- c) Nghiên cứu khoa học;
- d) Phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, du lịch và phát triển công nghiệp văn hóa;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng, khai thác di sản văn hóa bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Phát huy truyền thống tốt đẹp của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam;
- b) Góp phần sáng tạo những giá trị văn hóa mới, làm giàu kho tàng di sản văn hóa Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế;

c) Quảng bá giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong nước và nước ngoài, góp phần phát triển bền vững;

d) Tuân thủ quy định của Luật này, quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác trong các trường hợp sau đây:

a) Di sản văn hóa dễ bị hư hại;

b) Chứa nội dung thông tin nếu sử dụng rộng rãi có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Thuộc Danh mục bí mật nhà nước, hạn chế sử dụng, tiếp cận có điều kiện, hạn chế quyền tiếp cận theo quy định của Luật này, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin;

d) Có thể bị lợi dụng để xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kích động bạo lực, gây thù hằn giữa các dân tộc, tôn giáo; tuyên truyền chiến tranh xâm lược; phá hoại thuần phong mỹ tục; truyền bá mê tín; phân biệt đối xử, kỳ thị văn hóa, tạo ganh đua, mâu thuẫn, tranh chấp và xung đột văn hóa;

đ) Có thể bị lợi dụng để tuyên truyền, gây ảnh hưởng đến chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, chính trị, xúc phạm anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử.

4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết các điểm a, b, d và đ khoản 3 Điều này. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hoặc sở hữu hợp pháp di sản văn hóa có trách nhiệm xây dựng danh mục di sản văn hóa bị hạn chế sử dụng, khai thác.

Điều 89. Quỹ bảo tồn di sản văn hóa

1. Quỹ bảo tồn di sản văn hóa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để hỗ trợ kinh phí cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa được ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ hoặc đầu tư chưa đủ, bao gồm:

a) Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền;

b) Thực hiện các công trình, hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi, bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

c) Mua, đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu, tư liệu quý hiếm về di sản văn hóa phi vật thể có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước;

d) Mua di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu có giá trị của Việt Nam để bổ sung cho các sưu tập của bảo tàng, di tích.

2. Nguồn tài chính của Quỹ được hình thành trên cơ sở viện trợ, tài trợ, hỗ trợ, tặng cho của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đối với các hoạt động của Quỹ.

3. Quỹ bảo tồn di sản văn hóa có tư cách pháp nhân; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Kết thúc năm tài chính, số dư Quỹ (nếu có) được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

4. Quỹ bảo tồn di sản văn hóa hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; thực hiện việc lập dự toán, chấp hành dự toán, hạch toán kế toán, quyết toán tài chính và thực hiện công tác kiểm toán theo quy định của pháp luật. Bảo đảm công khai, minh bạch về tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ.

5. Thẩm quyền thành lập Quỹ như sau:

a) Quỹ bảo tồn di sản văn hóa ở Trung ương do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập;

b) Quỹ bảo tồn di sản văn hóa ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn, khả năng huy động các nguồn lực xã hội và tính hiệu quả của quỹ để quyết định việc thành lập.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VIII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DI SẢN VĂN HÓA

Điều 90. Trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa, có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- b) Phê duyệt, thẩm định dự án, đề án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo thẩm quyền;
- c) Thực hiện, hướng dẫn xếp hạng, công nhận, ghi danh và cấp bằng xếp hạng, công nhận, ghi danh di sản văn hóa theo thẩm quyền;
- d) Thực hiện, hướng dẫn xếp hạng bảo tàng theo thẩm quyền;
- đ) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- e) Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- g) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- h) Tổ chức công tác thi đua, khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- i) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về di sản văn hóa theo thẩm quyền;
- k) Giới thiệu, quảng bá, hợp tác quốc tế về di sản văn hóa và thực hiện trách nhiệm, cam kết của quốc gia thành viên tham gia các công ước của UNESCO về di sản văn hóa;
- l) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về di sản văn hóa theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ, cơ quan ngang Bộ khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thu hồi, mua và đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và di sản tư liệu có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

- a) Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn;
- b) Chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị đối với di sản văn hóa trên địa bàn được đưa vào các danh mục kiểm kê, di sản văn

hóa trên địa bàn được xếp hạng, ghi danh, công nhận trong các danh mục của quốc gia, các danh sách, danh mục của UNESCO theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định, hướng dẫn của UNESCO;

c) Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa với các địa phương có chung di sản văn hóa được xếp hạng, ghi danh, công nhận ở các danh mục của quốc gia hoặc các danh sách, danh mục của UNESCO;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 91. Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia

1. Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia là cơ quan tư vấn do Thủ tướng Chính phủ thành lập, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.

Điều 92. Thanh tra chuyên ngành di sản văn hóa

1. Cơ quan thanh tra về di sản văn hóa được thành lập ở cơ quan tham mưu, giúp quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về di sản văn hóa, thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực di sản văn hóa theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 93. Sửa đổi, bổ sung luật có liên quan

Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 3 Điều 49 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14 như sau:

“h) Dự án đầu tư công trình bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh”.

Điều 94. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2009/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật này.

Điều 95. Quy định chuyển tiếp

1. Các hoạt động, quy hoạch, dự án trong khu vực bảo vệ di tích đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2009/QH12.

2. Di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2009/QH12 thì được chuyển sang Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể; loại hình “Tiếng nói, chữ viết” và loại hình “Ngữ văn dân gian” được chuyển sang loại hình “Các biểu đạt và truyền thống truyền khẩu” kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú ở loại hình “Tiếng nói, chữ viết” và loại hình “Ngữ văn dân gian” được chuyển sang loại hình “Các biểu đạt và truyền thống truyền khẩu” kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2024./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn